

**UBND PHƯỜNG GIẢNG VÕ
TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ 2**





HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027

KHỐI 9

Họ và tên học sinh:

Lớp:.....

Hà Nội, tháng 10 năm 2026

I. MỤC LỤC

TT	Môn	Trang
1	Toán	1
2	Ngữ văn	6
3	Tiếng Anh	8
4	Khoa học tự nhiên	13
5	Lịch sử - Địa lý	17
6	Giáo dục công dân	18
7	Công nghệ	19
8	Tin học	23
9	Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp	34
10	Giáo dục địa phương	35
11	Nghệ thuật	36
12	Giáo dục thể chất	37

II. LỊCH KIỂM TRA

1. Kiểm tra tập trung, chia phòng: Khối 9

- Môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên (KHTN).
- Học sinh làm bài vào Giấy thi hoặc Phiếu trả lời.

2. Kiểm tra tại lớp, chung đề:

Môn Lịch sử và Địa lí, Tin học, Giáo dục công dân.

- Học sinh làm bài vào Giấy kiểm tra (tự chuẩn bị) hoặc Phiếu trả lời.

** Lịch kiểm tra: (chung cho mục a và b):*

TT	Ngày	Thời gian	Môn	Ghi chú
1	Ngày 27/10 (thứ Ba)	07h30-09h00	Ngữ văn (90 phút)	
		09h45-10h45	Tiếng Anh (60 phút)	
2	Ngày 28/10 (thứ Tư)	07h30-09h00	Toán (90 phút)	
		09h45-10h45	KHTN (60 phút)	
3	Ngày 29/10 (thứ Năm)	07h30-08h30	Lịch sử và Địa lý (60 phút)	
		09h45-10h45	Tin, GD CD (45p/môn)	Chỉ khối 9

3. Kiểm tra tại lớp, không chung đề

Môn Công nghệ, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm.



I. NỘI DUNG KIẾN THỨC

* Đại số

- Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Giải phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn.
- Giải bài toán bằng cách lập phương trình, lập hệ phương trình.

* Hình học

- Tỷ số lượng giác của góc nhọn.
- Một số hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.
- Một số bài toán về đường tròn: chứng minh nhiều điểm thuộc đường tròn.

II. BÀI TẬP ÔN TẬP

Dạng 1. Giải phương trình

Bài 1. Giải các phương trình sau:

- a) $x(2x-3)-2x(x-6)=5$
- b) $(2,3x-4,6)(0,2x+3)=0$
- c) $3\left(\frac{2}{3}x+1\right)-4\left(\frac{1}{2}x-3\right)=10$
- d) $(x-4)(3x-5)=3(4-x)$
- e) $(5x-1)^2-16x^2=0$
- g) $(2x+5)^2-(3x-7)^2=0$
- h) $x^2-x-20=0$
- i) $x^3-4x^2+4x=(x^2-2x)(5x-3)$

Bài 2. Giải các phương trình sau:

- a) $\frac{x}{2x-1}=\frac{x-5}{2x+3}$
- b) $\frac{2x-3}{x-2}=7-\frac{3}{x-2}$
- c) $\frac{4x}{(x-2)(x+4)}=\frac{3}{x+4}-\frac{6}{x-2}$
- d) $\frac{x+5}{x-3}-\frac{x-3}{x+3}=\frac{2-x}{x^2-9}$
- e) $\frac{x^2}{x^2+x+1}-\frac{x}{x-1}=\frac{-4x+2}{x^3-1}$
- g) $\frac{2x-1}{2x^2+3x-2}-\frac{3}{x^2-4}=\frac{2x^2+2025}{(x+2)(2x^2-5x+2)}$

Dạng 2. Giải hệ phương trình

Bài 3. Giải các hệ phương trình sau:

- a) $\begin{cases} 5x-3y=-4 \\ x-5y=11 \end{cases}$
- b) $\begin{cases} 2x-11y=-5 \\ 4x-22y=1 \end{cases}$
- c) $\begin{cases} 2(x-3y-5)=2x-y \\ 3(x-2y)-4(3x-2y)=3 \end{cases}$
- d) $\begin{cases} (x-2)(y-3)=(x-1)(y+4) \\ (x-5)(y+1)=(x-3)(y-1) \end{cases}$
- e) $\begin{cases} x(4+3y)=7+2y+3xy \\ x-14=2(y+3) \end{cases}$
- g) $\begin{cases} \frac{1}{x}+\frac{2}{y}=\frac{7}{6} \\ \frac{8}{x}+\frac{15}{y}=9 \end{cases}$
- h) $\begin{cases} \frac{3}{x-2}+\frac{4}{y+1}=7 \\ \frac{5}{x-2}-\frac{3}{y+1}=2 \end{cases}$

Dạng 3. Giải bài toán bằng cách lập phương trình, lập hệ phương trình

Bài 4. Cho một số tự nhiên có hai chữ số. Biết rằng tổng của chữ số hàng chục và hai lần chữ số hàng đơn vị là 12. Nếu thêm chữ số 0 vào giữa hai chữ số của số đó thì ta được một số mới có ba chữ số lớn hơn số ban đầu 180 đơn vị. Tìm số ban đầu.

Bài 5. Một tàu thủy chạy xuôi dòng sông 50 km hết thời gian bằng thời gian tàu chạy ngược dòng 30 km. Nếu tàu chạy xuôi dòng 25 km và ngược dòng 3 km thì hết 1 giờ 12 phút. Tính vận tốc riêng của tàu thủy và vận tốc dòng nước (biết vận tốc riêng của tàu không đổi).

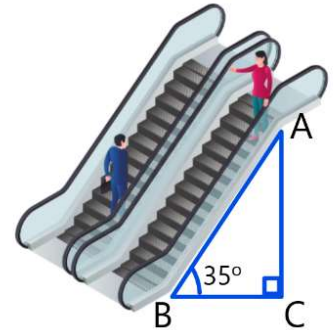
Bài 6. Nhân kỉ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, một nhà sách giảm giá mỗi cây bút bi là 20% và mỗi quyển vở là 10% so với giá niêm yết. Bạn Hà vào nhà sách mua 20 quyển vở và 10 cây bút bi. Khi tính tiền, bạn Hà đưa nhân viên thu tiền 175 000 đồng và được trả lại 3 000 đồng. Tính giá niêm yết của mỗi quyển vở và mỗi cây bút bi, biết rằng tổng số tiền phải trả nếu không được giảm giá là 195 000 đồng.

Bài 7. Một tổ sản xuất mỗi ngày phải sản xuất 200 bộ đồ bảo hộ y tế để hoàn thành đơn hàng theo thời gian quy định. Do cải tiến kĩ thuật nên thực tế, mỗi ngày tổ đó đã làm được nhiều hơn 100 bộ đồ bảo hộ y tế so với kế hoạch. Vì thế tổ đã hoàn thành trước thời gian quy định 8 ngày. Hỏi theo kế hoạch, tổ phải sản xuất bao nhiêu ngày? (Giả định rằng số bộ đồ bảo hộ y tế mà tổ đó sản xuất được trong mỗi ngày là bằng nhau)

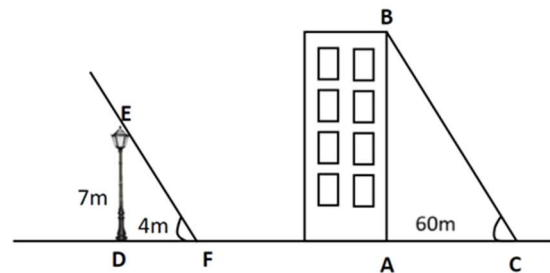
Bài 8. Hai người cùng làm chung một công việc thì sau 5 ngày làm xong công việc. Nếu người thứ nhất làm một mình trong 12 ngày, sau đó người thứ hai đến và hai người cùng làm thêm 3 ngày thì hoàn thành công việc. Hỏi nếu mỗi người làm riêng thì sau bao lâu mới hoàn thành công việc?

Dạng 4. Bài toán thực tế ứng dụng tỉ số lượng giác của góc nhọn

Bài 9. Ở siêu thị Big C có một thang máy cuốn (hình vẽ) có thể giúp khách hàng di chuyển từ tầng 1 của siêu thị lên tầng 2 rất tiện lợi. Biết rằng thang máy này được thiết kế có độ nghiêng 35° so với phương nằm ngang và tốc độ vận hành là 1,6 m/s. Một khách hàng đã di chuyển bằng thang máy này từ tầng 1 lên tầng 2 của siêu thị Big C hết 5 giây. Hỏi chiều cao AC của tầng 2 so với tầng 1 của siêu thị Big C là bao nhiêu mét? (Kết quả tính theo mét làm tròn đến hàng phần trăm).



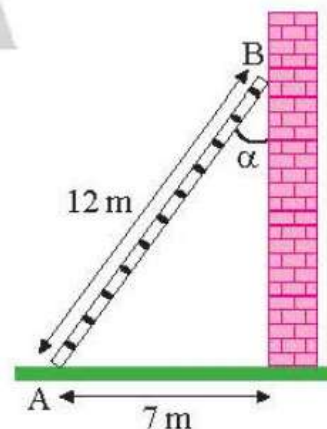
Bài 10. Một cột đèn cao 7 m có bóng trên mặt đất dài 4 m. Gần đó có một tòa nhà cao tầng có bóng trên mặt đất là 60 m (hình vẽ). Tính chiều cao tòa nhà (Kết quả tính theo mét làm tròn đến hàng phần mười).



Bài 11. Một máy bay đang ở vị trí A có độ cao 3,2 km so với mặt đất (hình vẽ). Máy bay bắt đầu quy trình hạ cánh từ vị trí A xuống vị trí B trên mặt đất. Quãng đường bay AB dài 6,8 km. Tính góc nhọn tạo bởi đường bay AB và phương nằm ngang (Kết quả tính theo độ và làm tròn đến hàng đơn vị).



Bài 12. Một cái thang dài 12 m được đặt dựa vào một bức tường sao cho chân thang cách chân tường 7 m (hình vẽ).
 Tính góc α tạo bởi thang và bức tường (Kết quả tính theo độ và làm tròn đến hàng đơn vị).



Dạng 5. Bài toán hình học tổng hợp

Bài 13. Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$), đường cao BD, CE cắt nhau tại H . Lấy I là trung điểm của BC , K là điểm đối xứng của H qua I . Chứng minh

- Tứ giác $BHCK$ là hình bình hành
- Bốn điểm A, B, K, C cùng thuộc một đường tròn tâm O .
- Chứng minh $OI \parallel AH$.

Bài 14. Cho tam giác MHP vuông tại H , với đường cao HF .

- Chứng minh rằng $\triangle MHF$ đồng dạng $\triangle MPH$.
- Từ M kẻ đường thẳng vuông góc với MP và cắt tia PH tại N . Kẻ $HE \perp MN$ tại E . Chứng minh rằng $ME \cdot MN = MH^2$ và $\frac{ME}{MF} = \frac{MP}{MN}$.

c) Chứng minh rằng $\frac{S_{MNP}}{S_{MFHE}} = \frac{1}{2 \cos^2 \widehat{EMH}} + \frac{1}{2 \cos^2 \widehat{FMH}}$.

Bài 15. Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$), đường cao BD, CE cắt nhau tại H .

- Chứng minh rằng bốn điểm B, D, C, E cùng thuộc một đường tròn. Hãy chỉ rõ tâm O của đường tròn này.
- Chứng minh $AB \cdot AE = AC \cdot AD$
- Gọi R là bán kính của đường tròn tâm O . Trên tia đối của tia CB lấy điểm M sao cho $CM = R$. Giả sử $\widehat{DBC} = 30^\circ$, chứng minh $DM^2 = 3R^2$

Bài 16. Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$). Hai đường cao BE, CF cắt nhau tại H .

- Chứng minh bốn điểm B, F, E, C cùng thuộc một đường tròn.
- Tia EF cắt tia CB tại M . Chứng minh $\triangle AEF \sim \triangle ABC$ và $MF \cdot ME = MB \cdot MC$
- Tia AH cắt BC tại D . Chứng minh FB là tia phân giác của góc MFD .

Bài 17. Cho đường tròn tâm (O) đường kính BC . Lấy điểm A nằm ngoài (O) (A, B, C không thẳng hàng). Các đường thẳng AB, AC cắt đường tròn (O) lần lượt tại M, N (M, N là các giao điểm thứ hai, phân biệt với B, C). Biết đường thẳng BN, CM cắt nhau tại H .

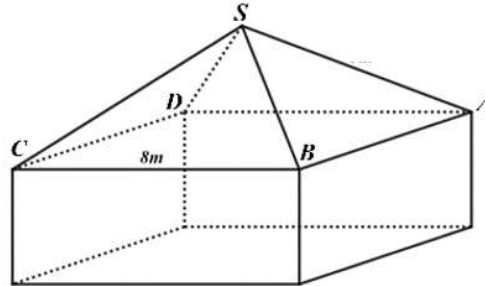
- Chứng minh AH vuông góc BC
- Gọi I là trung điểm của AH . Tính số đo góc $\widehat{INO}$.
- Chứng minh $BM \cdot BA + CN \cdot CA = 4OC^2$

Dạng 6. Một số bài toán nâng cao

Bài 18. Nhân dịp Tết Trung Thu, một Câu lạc bộ Viên ngọc xanh trường THCS Giảng Võ 2 muốn kinh doanh đèn ông sao để gây quỹ thiện nguyện. Chi phí để hoàn thiện mỗi chiếc đèn ông sao là 7 nghìn

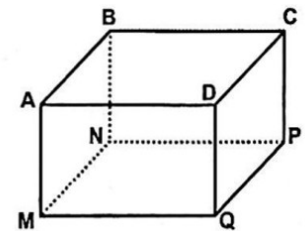
đồng. Với mức giá bán 25 nghìn đồng cho mỗi chiếc đèn ông sao, câu lạc bộ bán được 200 chiếc đèn. Cứ với mỗi nghìn đồng giảm giá, số lượng đèn bán ra tăng thêm 20 chiếc. Hỏi Câu lạc bộ *Viên ngọc xanh* nên bán mỗi chiếc đèn ông sao với giá khuyến mãi là bao nhiêu để thu được tổng lợi nhuận lớn nhất?

Bài 19. Người ta muốn lợp ngói cho mái nhà dạng hình chóp tứ giác đều (như hình vẽ). Mặt trần nhà có dạng hình vuông $ABCD$ cạnh dài 8 m . Khoảng cách $SA = \sqrt{41}\text{ m}$. Số tiền mà người đó phải trả để mua ngói lợp phần mái hình chóp tứ giác trên là bao nhiêu? Biết giá mỗi viên ngói là 17 000 (VNĐ) và cứ 10 viên ngói lợp được 1 m^2 .



Bài 20. Bác An muốn đặt làm một chiếc hộp đựng quà lưu niệm có dạng hình hộp chữ nhật với mặt đáy $ABCD$ là hình vuông (hình vẽ).

Để món quà trở nên đặc biệt bác An muốn sơn mặt ngoài bốn mặt xung quanh và mặt đáy dưới của chiếc hộp (không sơn nắp hộp). Em hãy tìm độ dài cạnh MN của mặt đáy và chiều cao AM của hộp quà sao cho tổng diện tích các mặt được sơn là nhỏ nhất, biết rằng thể tích của chiếc hộp là 4 dm^3 .



Bài 21. Một cửa hàng bán 3 loại trái cây: táo, cam và quýt. Mỗi ngày, số lượng hộp quả táo, hộp quả cam và hộp quả quýt nhập về được ký hiệu lần lượt là x, y, z (x, y, z là các số tự nhiên). Cửa hàng có các thông tin và điều kiện như sau:

- 1) Chi phí nhập mỗi hộp quả táo là 100 000 đồng, mỗi hộp quả cam là 200 000 đồng và mỗi hộp quả quýt là 100 000 đồng.
- 2) Tổng chi phí nhập không được vượt quá 1 000 000 đồng.
- 3) Cửa hàng phải nhập đủ cả 3 loại trái cây.
- 4) Cửa hàng cần nhập ít nhất 3 hộp quả táo và cam cộng lại.

Lợi nhuận (lãi) thu về từ việc bán mỗi loại trái cây là: 200 000 đồng cho mỗi hộp quả táo, 300 000 đồng cho mỗi hộp quả cam và 100 000 đồng cho mỗi hộp quả quýt.

Giả định rằng tất cả số trái cây nhập về đều được bán hết trong ngày, hãy chỉ ra phương án nhập hàng giúp người bán hàng có được lợi nhuận cao nhất.

Bài 22. Trong những ngày đầu tháng 9 năm 2024, cơn bão số 3 (có tên quốc tế là Yagi) với cường độ rất mạnh, kèm theo mưa lũ rất lớn đã ảnh hưởng đến các tỉnh miền Bắc nước ta. Với truyền thống đoàn kết, “tương thân, tương ái”, “lá lành đùm lá rách”. Tập thể lớp 9A đã không tổ chức một buổi Trung thu vui vẻ mà thay vào đó là một buổi chia sẻ và quyên góp ủng hộ các bạn nhỏ trong cùng thành phố mà chịu hậu quả của bão lũ. Số tiền lớp 9A quyên góp được là 4 000 000 đồng. Các bạn quyết định dành hết số tiền quyên góp được để mua cả vở và bút tặng cho các bạn nhỏ. Gọi x, y lần lượt là số vở và số bút các bạn lớp 9A có thể mua được ($x > 0; x \in \mathbb{Z}; y > 0; y \in \mathbb{Z}$).

Biết vở có giá là 15 000 đồng/quyển, bút có giá là 8 000 đồng/chiếc. Em hãy giúp các bạn lớp 9A tìm số vở và số bút các bạn có thể mua được thỏa mãn yêu cầu trên với tổng số tiền đúng bằng 4 000 000 đồng.

ĐỀ MINH HỌA

Bài I (3,0 điểm) Giải các phương trình, bất phương trình, hệ phương trình sau:

a) $(x-1)^2 = x(x+3) - 2x$

b) $(4x-3)(x+4) = x^2 - 16$

c) $\frac{x+1}{x-3} - \frac{x-1}{x} = \frac{7}{x^2-3x}$

d) $\begin{cases} 2(x+y) + 3(x-y) = 4 \\ (x+y) + 2(x-y) = 5 \end{cases}$

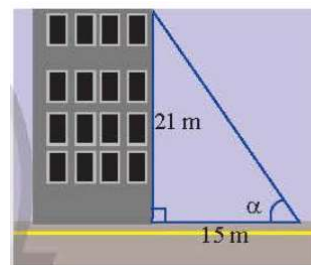
Bài II (2,5 điểm) Giải các bài toán sau bằng cách lập phương trình hoặc lập hệ phương trình:

1. Tìm hai số tự nhiên biết rằng tổng của chúng bằng 1006 và nếu lấy số lớn chia cho số nhỏ thì được thương là 2 và số dư là 124.

2. Một ô tô đi từ A đến B với một vận tốc và trong một thời gian đã định trước. Nếu vận tốc của ô tô giảm 10 km/h thì đến B chậm 1 giờ so với dự định. Nếu vận tốc ô tô tăng 5 km/h thì sẽ đến B sớm 20 phút so với dự định. Tính vận tốc và thời gian ô tô dự định đi từ A đến B?

Bài III (4,0 điểm)

1. Tia nắng chiếu qua nóc của một tòa nhà hợp với mặt đất một góc α (hình vẽ). Cho biết tòa nhà cao 21 m và bóng của nó trên mặt đất dài 15 m. Tính góc α (Kết quả tính theo độ và làm tròn đến hàng đơn vị).



2. Cho tam giác ABC vuông tại A , đường cao AH .

a) Nếu $\widehat{ACB} = 30^\circ$ và $BC = 20$ cm. Hãy tính $\widehat{ABC}$; AB ; AC . (Số đo góc làm tròn đến độ)

b) Kẻ HD, HE lần lượt vuông góc với AB và AC (D thuộc AB , E thuộc AC). Chứng minh các điểm A, E, H, D cùng thuộc đường tròn và $AB \cdot AD = AH^2$. Từ đó suy ra $AB \cdot AD = AE \cdot AC$.

c) Lấy điểm M nằm giữa E và C , kẻ AI vuông góc với MB tại I . Chứng minh

$$\sin \hat{AMB} \cdot \sin \hat{ACB} = \frac{HI}{CM}.$$

Bài IV (0,5 điểm)

Cửa hàng nhà bác Dũng chuyên kinh doanh máy tính tại Hà Nội. Một loại máy tính có giá nhập vào mỗi chiếc là 18 triệu đồng và bán ra với giá 22 triệu đồng. Với giá bán như trên thì một năm số lượng máy tính bán được dự kiến là 500 chiếc. Để tăng thêm lượng tiêu thụ dòng máy tính này, bác Dũng dự định giảm giá bán và ước lượng cứ giảm 200 nghìn đồng một chiếc thì số lượng máy tính bán ra trong một năm sẽ tăng 50 chiếc. Vậy bác Dũng phải bán với giá bao nhiêu để sau khi giảm giá lợi nhuận thu được sẽ cao nhất?

Chúc các con ôn thi tốt

-----Hết-----



I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

1. Kĩ năng đọc – hiểu:

- Thể loại: *Thơ song thất lục bát*
- Chủ đề: *Những cung bậc tâm trạng*
- Thực hành Tiếng Việt: *Các kiến thức Tiếng Việt đã học trong chương trình Ngữ văn THCS (tính đến thời điểm Tuần 8 - Học kì I - Lớp 9); trong đó trọng tâm là kiến thức về các biện pháp tu từ.*

2. Kĩ năng Viết

- Viết đoạn văn phân tích một khổ thơ/đoạn thơ.
- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

II. CÁC DẠNG BÀI ÔN TẬP

1. Dạng bài **Đọc - hiểu văn bản thơ song thất lục bát + Thực hành Tiếng Việt**

* **Đọc - hiểu:**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của đoạn thơ/bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

* **Thực hành Tiếng Việt:** Nhận biết các kiểu câu, các thành phần biệt lập, các điển tích, điển cố; nhận biết và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ.

2. Dạng bài viết

2.1. **Viết đoạn văn phân tích một khổ thơ/ đoạn thơ.**

- **Hình thức:** Viết được đoạn văn 200 chữ; sử dụng từ ngữ chính xác, không mắc lỗi diễn đạt.

- **Nội dung:**

- + Giới thiệu được bài thơ, tác giả; nêu ấn tượng chung về khổ thơ/ đoạn thơ.
- + Phân tích, đánh giá được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật; nêu được tác dụng của thể thơ song thất lục bát trong việc thể hiện cảm xúc của khổ thơ/ đoạn thơ.
- + Khái quát lại nội dung về khổ thơ/ đoạn thơ và rút ra thông điệp phù hợp.

2.2. **Viết bài văn nghị luận về vấn đề cần giải quyết.**

- **Hình thức:** Bài văn (khoảng 400 chữ - linh hoạt), có bố cục rõ ràng, sử dụng từ ngữ chính xác, không mắc các lỗi về chính tả, đặt câu,...

- **Nội dung:** Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

* Định hướng cụ thể:

TT	Các phần	Nội dung
1	Mở bài	Nêu được vấn đề cần giải quyết.
		Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.

2	Thân bài	- Giải thích vấn đề. - Trình bày được những cơ sở để đưa ra giải pháp. - Đề xuất và phân tích được tính khả thi của các giải pháp được đưa ra. (Kết hợp linh hoạt lí lẽ và bằng chứng).
3	Kết bài	Khái quát lại sự cấp thiết phải giải quyết vấn đề đó và rút ra bài học, thông điệp phù hợp cho bản thân.

III. HƯỚNG RA ĐỀ

1. Thời gian làm bài: 90 phút

2. Cấu trúc đề: 100% tự luận



PART I – THEORY

1. Pronunciation:

- Sounds: /æ/, /ɑ:/, and /e/
- Sounds: /aʊ/, /əʊ/, and /eə/
- Sounds: /h/ and /r/

2. Vocabulary:

- Community helpers
- Traditional handicrafts
- City life
- Students' life and schoolwork

3. Grammar:

- Question words before to-infinitive
- Phrasal verbs
- Double comparatives
- Model verbs in first conditional sentences

4. Communication:

- Seeking help and responding
- Offering help and responding
- Asking for repetition and responding

PART II – PRACTICE TEST

Listen to the audio and decide whether those sentences are TRUE or FALSE:

Question 1. Teens should aim for at least 60 minutes of daily exercise to prioritize their well-being.	A. True	B. False
Question 2. A balanced diet, including fruits, vegetables, whole grains, and lean proteins, is essential for teens' growth and development.	A. True	B. False
Question 3. Drinking water is not important for teens' overall health.	A. True	B. False
Question 4. Consuming junk foods like soda and chips is recommended for teens.	A. True	B. False
Question 5. Small lifestyle choices made now have no impact on future health.	A. True	B. False

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 6.** A. helper B. congest C. centre D. garden
Question 7. A. leftover B. metro C. power D. close

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 8.** A. quality B. examine C. energy D. vehicle
Question 9. A. mental B. downtown C. deadline D. public

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 10. The longer the talk about the matter is, _____.

- A. the situation seems worse B. the worse seem the situation
C. the worse the situation seems D. the situation seems the worse

Question 11. The committee has _____ a survey of parking problems in residential areas.

- A. cut down B. come around C. worked out D. carried out

Question 12. The village is famous for its skilled _____ who weave beautiful silk fabrics.

- A. tourists B. artists C. artisans D. farmers

Question 13. Julie and Amanda need to buy some food.

Julie: "Do you know where the nearest market is?" - Amanda: "_____"

- A. Hello! Welcome to the neighborhood C. My mother often buys groceries there.
B. I like shopping there too. D. It's right next to the community center.

Question 14. There is a big _____ site near my house, so it's very noisy.

- A. construction B. construct C. constructing D. constructed

Question 15. He asked me _____ in that situation, but I didn't have any solutions.

- A. what to do B. to do what
C. what does he do D. what should he do

Question 16. Altdorf is a _____ city with a huge number of foreigners, traders, adventurers, etc.

- A. quiet B. peaceful C. bustling D. tranquil

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 17 to 18.

Question 17. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Hope you are doing well! I just wanted to share some tips of staying healthy with you. _____.

- a. Also make sure to drink plenty of water and avoid sugary drinks.
b. Firstly, try to eat lots of fruits and veggies every day, they are super good for you.
c. Lastly, it's important to sleep around 8 hours each night. Take care of yourselves.
d. Moreover, getting active is important too – even a short walk or some fun dancing counts.
A. b - d - a - c B. b - a - d - c C. d - b - a - c D. a - c - d - b

Question 18. Choose the sentence that can end the text (in Question 17) most appropriately.

- A. Remember, health is wealth, so keep these tips in mind.
- B. In addition, make sure to avoid unhealthy snacks at all times.
- C. First, it is best to avoid foods with too much salt or sugar.
- D. I highly recommend trying a new fruit or vegetables every week.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 24.

City life is full of energy and excitement. In a city, you (19) _____ a wide range of amenities and activities. You can visit popular restaurants, enjoy shopping at busy malls, and explore interesting museums. (20) _____, cities also offer many entertainment options, such as going to the theatre or watching movies in modern cinemas.

Public transport is an important part of city life. Buses and trains make it easy to travel around the city and (21) _____ different places quickly. Many people use these services on a (22) _____ basis to get to work or school.

(23) _____ in a city means you are close to job opportunities and educational institutions, which can be very convenient. Cities usually have beautiful parks where you can relax and take a break from the hustle and bustle.

However, city life can sometimes be noisy and crowded. The cost of living can also be high. Despite these challenges, many people enjoy the (24) _____ lifestyle and the diverse experiences in big cities.

Question 19. A. have access
C. make access

B. make access to
D. have access to

Question 20. A. However

B. Yet

C. In addition

D. For

Question 21. A. arrive

B. reach

C. go

D. return

Question 22. A. usual

B. usually

C. regularly

D. regular

Question 23. A. Lives

B. Live

C. Living

D. Lived

Question 24. A. fast-paced

B. normal-paced

C. high-paced

D. slow-paced

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25. He doesn't know where to go for his summer holiday.

- A. He doesn't know where for going for his summer holiday.
- B. He doesn't know where going for his summer holiday.
- C. He doesn't know where he should go for his summer holiday.
- D. He doesn't know where he go for his summer holiday.

Question 26. I will call you as soon as I arrive at the airport.

- A. I will call you after I arrived at the airport.
- B. I will call you when I arrived at the airport.
- C. I will call you as soon as I arrived at the airport.
- D. I will call you immediately after I arrive at the airport.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27. *He / suggest / follow / time management principles / avoid / getting / stressed out.*

- A. He suggested to follow time management principles to avoid get stressed out.
- B. He suggested following time management principles to avoid getting stressed out.
- C. He suggested that following time management principles to avoid getting stressed out.
- D. He suggests following time management principles to avoid get stressed out.

Question 28. *More / developed / a city / be / more / food / people / throw away.*

- A. The more developed a city is, the more food people throw away.
- B. More developed a city is, more food people will throw away.
- C. The more developed a city is, more food people throw away.
- D. More developed a city is, the more food people throw away.

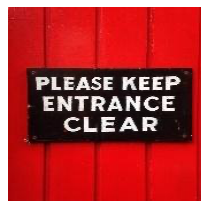
Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29. What does the sign say?

Era Restaurant
Booking is requested
Call: +849874627

- A. You can eat at Era Restaurant without calling.
- B. You mustn't book beforehand to eat at Era Restaurant.
- C. You are requested to work at Era Restaurant.
- D. You have to book in advance to eat at Era Restaurant.

Question 30. What does the notice say?



- A. Only use this entrance in an emergency.
- B. Do not park in front of this entrance.
- C. Always keep this door open.
- D. Permission is needed to park here.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

The volume of traffic in many cities in the world today continues to expand. **This** causes many problems, including serious air pollution, lengthy delays, and the greater risk of accidents. Clearly, something must be done, but it is often difficult to persuade people to change their habits and leave their cars at home.

One possible solution is to make it more expensive for people to use their cars by increasing charges for parking and **bringing in** tougher fines for anyone who **breaks** the law. In addition, drivers could be required to pay for using particular routes at different times of the day. This system, known as 'road pricing', is already being introduced in a number of cities, using a special electronic card placed on the windscreen of the car.

Another way of dealing with the problem is to provide cheap parking on the outskirts of the city, and strictly control the number of vehicles allowed into the center. Drivers and their passengers then use a special bus service for the final stage of their journey.

Of course, the most important thing is to provide good public transport. However, to get people to give up the comfort of their cars, public transport must be felt to be reliable, convenient, and comfortable, with fares kept at an acceptable level.

Question 31. What is the article mainly about?

- A. How to find cheap parking in cities.
- B. How to reduce traffic problems in cities.
- C. How to break the traffic laws.
- D. How to choose a convenient electric car.

Question 32. What does the word "**this**" in paragraph 1 refer to?

- A. The expansion of traffic volume
- B. the risk of accidents
- C. increasing charges for parking
- D. serious air pollution

Question 33. The word "**bringing in**" in paragraph 2 is CLOSEST in meaning to

- A. introducing
- B. increasing
- C. commuting
- D. protecting

Question 34. The word "**breaks**" in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to

- A. divides
- B. destroys
- C. obeys
- D. damages

Question 35. When implementing the "road pricing" system in cities, what do drivers have to use?

- A. a special bus service
- B. public transportation
- C. the windscreen of the car
- D. a special electronic card

Question 36. Which of the following sentences is **NOT TRUE** according to the text?

- A. Providing cheap parking in the city center is a good way to deal with the problem of traffic.
- B. Increased parking charges and stricter fines are some ways to discourage car use.
- C. To get more people to use public transport, its fares should be affordable.
- D. It is not easy to get people to change habits and not to use their private cars.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from question 37 to question 40.

Some people prefer to live in the countryside, but I myself like to live in big cities. (37) _____. In the first place, city life is more exciting than life in the countryside. (38) _____, but in a city, things are changing all the time. You see new people every day. You can go to the theatre, concerts, or museums. Secondly, it is very convenient in a city. (39) _____ such as the sky train, the bus and the taxi, so you can go somewhere easily and quickly. And you can buy the things you want as there are many shops and supermarkets. Thirdly, you can make friends easily in a city. (40) _____. In conclusion, life in a city is exciting, convenient, and interesting, so many people, including myself, choose to live in a city.

- A. City life surely has a lot of advantages
- B. You can do a lot of things together with your friends, so you do not feel lonely
- C. There are various means of transportation
- D. In a village, things are changing slowly

Question 37. _____ **Question 38.** _____ **Question 39.** _____ **Question 40.** _____

----- **THE END** -----



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 60 phút

2. Hình thức: 70% trắc nghiệm + 30% tự luận

- Phần I (3 điểm): 12 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn 01 đáp án đúng.

- Phần II (2 điểm): 02 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 4 ý. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. Với mỗi câu đúng 01 ý: được 0,1 điểm; đúng 02 ý được 0,25 điểm; đúng 03 ý được 0,5 điểm; đúng 04 ý được 1,0 điểm.

- Phần III (2 điểm): 02 câu trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu có 2 ý.

- Phần IV (3 điểm): 03 câu tự luận.

3. Nội dung kiến thức ôn tập và kiểm tra

Bài 3. Cơ năng

1. Ghi nhớ công thức tính động năng, thế năng. Nêu được cơ năng là tổng thế năng và động năng của vật.

2. Vận dụng khái niệm cơ năng phân tích được sự chuyển hóa năng lượng trong một số trường hợp đơn giản.

Bài 4. Công và công suất

1. Phân tích ví dụ cụ thể để rút ra được: công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực, công suất là tốc độ thực hiện công.

2. Ghi nhớ công thức tính công, công suất và chú thích tên gọi và đơn vị của các đại lượng trong công thức.

3. Vận dụng tính được công, công suất trong một số trường hợp.

Bài 18. Tính chất chung của kim loại

1. Nêu được tính chất vật lý của kim loại.

2. Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của kim loại: tác dụng với phi kim (oxygen, lưu huỳnh, chlorine), nước hoặc hơi nước, dung dịch hydrochloric acid, dung dịch sulfuric acid, dung dịch muối.

3. Mô tả được một số khác biệt về tính chất giữa các kim loại thông dụng (nhôm, sắt, vàng, ...)

Bài 19. Dây hoạt động hóa học

1. Nêu được dãy hoạt động hóa học.

2. Trình bày được ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học.

Bài 37. Các quy luật di truyền của Mendel

1. Phân biệt được các thuật ngữ: tính trạng; tính trạng tương phản; tính trạng trội, tính trạng lặn; nhân tố di truyền; kiểu hình; kiểu gene; allele; cơ thể thuần chủng; dòng thuần.

2. Quy luật phân li: trình bày được thí nghiệm của Mendel, giải thích được thí nghiệm bằng sơ đồ lai; phát biểu nội dung quy luật của Mendel.

3. Phép lai phân tích: trình bày được thí nghiệm phép lai phân tích, nêu được vai trò của phép lai phân tích.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

1. Xem lại phần kiến thức và các câu hỏi Bài 3, 4, 18, 19 SGK Khoa học tự nhiên 9.

2. Xem lại các bài tập Bài 3, 4, 18, 19 SBT Khoa học tự nhiên 9.

C. ĐỀ MINH HỌA

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Kim loại được dùng làm vật liệu chế tạo vỏ máy bay do có tính bền và nhẹ là

- A. Na. B. Zn. C. K. D. Al.

Câu 2. Những kim loại nào sau đây được dùng làm đồ trang sức vì có ánh kim rất đẹp?

- A. Au, Pt. B. Ag, Cu. C. Au, Fe. D. Ag, Zn.

Câu 3. Trong các kim loại sau đây, kim loại dẫn điện tốt nhất là

- A. Bạc (Ag). B. Nhôm (Al). C. Đồng (Cu). D. Sắt (Fe).

Câu 4. Trong các kim loại sau đây, kim loại có nhiệt độ nóng chảy cao nhất là

- A. Đồng (Cu). B. Tungsten (W). C. Sắt (Fe). D. Kẽm (Zn).

Câu 5. Các kim loại tác dụng được với nước ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch kiềm và giải phóng khí hydrogen là

- A. K, Ca. B. Zn, Ag. C. Mg, Ag. D. Cu, Ba.

Câu 6. Những cặp chất nào sau đây phản ứng với nhau tạo ra khí hydrogen?

1. Calcium và nước.
2. Silver và dung dịch hydrochloric acid loãng.
3. Magnesium và hơi nước.
4. Zinc và dung dịch hydrochloric acid loãng.

- A. Cặp số 1, 3 và 4. B. Cặp số 1 và 3.
C. Cặp số 2 và 4. D. Chỉ có cặp số 4.

Câu 7. Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều giảm dần mức độ hoạt động hóa học?

- A. Na, Cu, Mg, Zn. B. Al, Zn, Na, Fe.
C. K, Mg, Al, Na. D. Mg, Al, Zn, Cu.

Câu 8. Cho dãy các kim loại sau: Pb, Au, Zn, Ag, Fe, Cu. Có bao nhiêu kim loại đứng trước H trong dãy hoạt động hóa học?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 9. Trong các kiểu gen sau, kiểu gen nào là thuần chủng?

- A. AA và aa. B. Aa.
C. AA và Aa. D. AA, Aa và aa.

Câu 10. Phép lai phân tích là phép lai được dùng để

- A. kiểm tra kiểu gen của cơ thể mang tính trạng trội.
- B. xác định số lượng gen trong cơ thể.
- C. tạo ra cơ thể đồng hợp lặn.
- D. duy trì dòng thuần chủng.

Câu 11. Một cặp bố mẹ đều có kiểu gen Aa. Ở đời con F1 có tỉ lệ kiểu gen là

A. 1 AA : 2 Aa : 1 aa.

B. 3 trội : 1 lặn.

C. 1 trội : 1 lặn.

D. 100% Aa.

Câu 12. Công thức tính động năng của một vật đang chuyển động là

A. $W_d = mv^2$.

B. $W_d = \frac{1}{2}.mv^2$.

C. $W_d = mgh$.

D. $W_d = F.s$.

Câu 13. Công suất được xác định bằng

A. tích của lực tác dụng và quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực.

B. thương số giữa lực tác dụng và thời gian thực hiện công.

C. công thực hiện được trong một đơn vị thời gian.

D. tích của công và thời gian thực hiện công.

Câu 14. Một quả bóng được thả rơi từ trên cao xuống đất. Bỏ qua lực cản của không khí. Trong quá trình quả bóng rơi, nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Thế năng tăng, động năng giảm.

B. Thế năng giảm, động năng tăng.

C. Cả thế năng và động năng đều tăng.

D. Cả thế năng và động năng đều giảm.

Câu 15. Một người thực hiện công 1200 J trong thời gian 20 s. Công suất của người đó là

A. 24 W.

B. 60 W.

C. 120 W.

D. 24000 W.

PHẦN II (2 điểm). Trắc nghiệm đúng/sai.

Câu 1. Nhận định tính đúng/sai của các phát biểu sau.

a) Kim loại dẻo nhất là bạc.

b) Kim loại đồng được dùng làm cột thu lôi chống sét vì đồng có tính dẫn điện.

c) Kim loại vàng không tác dụng với dung dịch HCl và dung dịch H_2SO_4 loãng.

d) Kim loại dẫn điện tốt nhất là đồng.

Câu 2. Mỗi nhận định sau là đúng hay sai khi nói về thuật ngữ và phép lai theo quy luật di truyền của Mendel?

a) Tính trạng tương phản là hai trạng thái biểu hiện trái ngược nhau của cùng một tính trạng.

b) Khi lai hai cơ thể mẹ thuần chủng khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì F_1 đồng tính về tính trạng của bố mẹ và F_2 phân li tính trạng theo tỉ lệ 3 trội: 1 lặn.

c) Tính trạng trội là tính trạng được biểu hiện ở cơ thể có kiểu gene đồng hợp lặn (aa). Tính trạng lặn là tính trạng được biểu hiện ở cơ thể có kiểu gene dị hợp tử.

d) Phép lai phân tích là phép lai giữa 2 cá thể mang kiểu gen dị hợp.

Phần III (2 điểm). Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 1. Cho lá magnesium vào dung dịch hydrochloric acid dư thu được 0,7437 lít khí hydrogen (ở điều kiện chuẩn). Tính:

a) Số gam magnesium đã phản ứng.

b) Số gam muối chloride tạo thành sau phản ứng.

Câu 2.

a) Một vật có khối lượng 2 kg đang chuyển động với tốc độ 5 m/s. Tính động năng của vật theo đơn vị J (jun).

- b) Một cần cẩu nâng một vật lên cao 15 m với lực kéo 2400 N trong 30 s. Tính công suất của cần cẩu theo đơn vị kW (kilo oát).

B. TỰ LUẬN

Bài 1. Ở cà chua, alen A quy định tính trạng quả màu đỏ là trội hoàn toàn so với alen a quy định tính trạng quả màu vàng. Cho lai giữa cây cà chua quả đỏ thuần chủng với cây cà chua quả vàng thuần chủng, thu được thế hệ F1. Sau đó, cho các cây F1 tự thụ phấn để thu được thế hệ F2.

- a) Hãy viết sơ đồ lai từ P đến F2.
b) Xác định tỉ lệ kiểu gen và kiểu hình ở F2.

Bài 2. Có các kim loại màu trắng bạc sau: Ag, Fe, Al, Mg, Na.

- a) Sắp xếp các kim loại trên theo độ hoạt động hóa học tăng dần, giảm dần.
b) Trong các kim loại trên, kim loại nào phải bảo quản trong dầu hỏa. Vì sao?
c) Kim loại nào đứng trước H, kim loại nào đứng sau H trong dãy hoạt động hóa học của kim loại.
d) Kim loại nào có thể dùng nam châm để nhận biết, kim loại nào dùng dung dịch NaOH có thể nhận biết ngay.
e) Phân biệt các kim loại trên bằng phương pháp hóa học.

Bài 3. Cho một chiếc đinh sắt có khối lượng 7 gam vào 200 mL dung dịch CuSO_4 , sau phản ứng lấy đinh sắt ra cân lại thấy khối lượng đinh sắt tăng 0,2 gam so với ban đầu.

- a) Nêu hiện tượng của phản ứng hóa học xảy ra. Viết phương trình hóa học.
b) Tính khối lượng sắt phản ứng và nồng độ dung dịch CuSO_4 cần dùng.
c) Cho toàn bộ chất rắn thu được sau phản ứng hòa tan vào dung dịch HCl dư thì thoát ra bao nhiêu lít khí (đkc).

Cho H: 1; O: 16; Na: 23; Mg: 24; Al: 27; S: 32; Cl: 35,5; Fe: 56; Cu: 64; Ag: 108.

Bài 4. Một vật có khối lượng 250 g được thả rơi từ độ cao 5 m so với mặt đất. Bỏ qua lực cản của không khí, chọn mốc thế năng tại mặt đất.

- a) Tính thế năng trọng trường của vật khi ở độ cao 5 m. Khi vật vừa được thả, động năng của vật bằng bao nhiêu? Tính cơ năng của vật tại thời điểm đó.
b) Khi vật ở độ cao 2 m so với mặt đất, hãy tính thế năng, động năng của vật.

Bài 5. Một người thợ xây kéo thùng vữa có khối lượng 20 kg lên cao 10 m trong 45 giây.

- a) Khi bỏ qua ma sát và lực cản thì lực kéo tối thiểu của người thợ xây là bao nhiêu niuton?
b) Thực tế có lực cản 15 N thì lực kéo mà người đó phải tác dụng là bao nhiêu niuton? Công khi đó là bao nhiêu kJ?
c) Tính công suất của người đó ra kW.

Chúc con ôn tập tốt và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!



I. NỘI DUNG

Phân môn LỊCH SỬ

Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945

- Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.
- Trình bày được những thành tựu và chỉ ra những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

Bài 4. Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX

- Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản, đại suy thoái kinh tế 1929-1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.
- Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Phân môn ĐỊA LÍ

Bài 1. Dân tộc và dân số

- Trình bày đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
- Trình bày quy mô dân số và tình hình gia tăng dân số qua các thời kì.

Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

- Trình bày sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.

Bài 5. Nông nghiệp

- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

Bài 6. Lâm nghiệp và thủy sản

- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố lâm nghiệp và thủy sản.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản.
- Giáo dục bảo vệ môi trường và bảo vệ ANQP trong phát triển kinh tế.

II. THỜI GIAN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

1. **Thời gian:** 60 phút (gồm Lịch sử - Địa lí)

2. **Cấu trúc:** Đề kiểm tra 70% trắc nghiệm, trong đó có 12 câu dạng trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn, 4 câu trắc nghiệm dạng đúng sai; 2 câu tự luận. Cụ thể:

Phân môn lịch sử	Phân môn địa lí
- Trắc nghiệm dạng thức lựa chọn phương án đúng: 6 câu (1,5 điểm)	- Trắc nghiệm dạng thức lựa chọn phương án đúng: 6 câu (1,5 điểm)
- Trắc nghiệm dạng thức Đúng – Sai: 2 câu, mỗi câu 4 ý (2,0 điểm)	- Trắc nghiệm dạng thức Đúng – Sai: 2 câu, mỗi câu 4 ý (2,0 điểm)
- Tự luận: 1 câu (1,5 điểm)	- Tự luận: 1 câu (1,5 điểm)
=> Tổng điểm bài kiểm tra: 10 điểm.	



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút

2. Hình thức

Trắc nghiệm 100%

- Phần I: Trắc nghiệm 4 lựa chọn: 32 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Phần II: Trắc nghiệm Đúng/Sai: 2 câu mỗi câu 4 ý (đúng 1 ý được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25đ, đúng 3 ý được 0,5đ, đúng 4 ý được 1 điểm).

3. Nội dung kiến thức ôn tập và kiểm tra

a. Bài 1: Sống có lí tưởng.

- Khái niệm, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
- Một số lí tưởng sống cao đẹp của Thanh niên Việt Nam hiện nay.
- Nêu trách nhiệm của học sinh.
- Vận dụng kiến thức đã học để xử lí tình huống trong thực tế cuộc sống.

b. Bài 2: Khoan dung.

- Khái niệm, biểu hiện, giá trị của khoan dung.
- Học sinh cần làm gì để rèn luyện.
- Ca dao, tục ngữ...nói về lòng khoan dung.
- Vận dụng kiến thức đã học để xử lí tình huống trong cuộc sống.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

1. Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.

Câu hỏi mẫu: Hành động nào dưới đây thể hiện thanh niên sống có lí tưởng?

- A. Chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân, không quan tâm đến cộng đồng.
- B. Kiên trì học tập, rèn luyện để thực hiện mục tiêu đã đề ra.
- C. Sống dựa dẫm vào gia đình, không có mục tiêu phấn đấu.
- D. Từ bỏ mục tiêu ngay khi gặp khó khăn, thử thách.

2. Câu hỏi điền đúng – sai.

Tình huống: Trong giờ ra chơi, do vô tình chạy quá nhanh, H va vào Q khiến hộp bút của Q rơi xuống đất. H lập tức xin lỗi và nhặt hộp bút giúp Q. Tuy nhiên, Q vẫn tức giận và kể với các bạn trong lớp để mọi người cùng trách móc H.

- a) H đã thể hiện thái độ biết nhận lỗi và có trách nhiệm với hành động của mình.
- b) Q nên bỏ qua mọi lỗi sai của H, kể cả khi H cố tình tái phạm nhiều lần.
- c) Việc Q kể với các bạn để mọi người cùng trách móc H thể hiện Q chưa biết khoan dung với người khác.
- d) Khoan dung có nghĩa là luôn đồng tình và không được góp ý khi người khác mắc lỗi.

.....Hết.....

Chúc các con ôn tập thật tốt !



A. HÌNH THỨC, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút (Lịch kiểm tra tuần 08 hoặc 09)

2. Hình thức:

- Phần I: Trắc nghiệm 4 lựa chọn: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.
- Phần II: Trắc nghiệm Đúng/Sai: 3 câu mỗi câu 4 ý (đúng 1 ý được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25đ, đúng 3 ý được 0,5đ, đúng 4 ý được 1 điểm)
- Phần III. Tự luận

3. Kiến thức cần nhớ

Bài 2: Lựa chọn và bảo quản thực phẩm.

- Lựa chọn được các loại thực phẩm thông dụng.
- Phân tích được các biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng có trong thực phẩm.

Bài 3: Một số ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm.

Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Xem lại phần kiến thức và các câu hỏi phần Luyện tập bài 2, 3 SGK Công nghệ 9 + Bài tập trong SBT Công nghệ 9.

C. ĐỀ MINH HOẠ

PHẦN I. (4 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Có mấy biện pháp bảo quản thực phẩm phổ biến hiện nay?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2. Biện pháp bảo quản thực phẩm ở nhiệt độ thường được sử dụng đối với loại thực phẩm nào sau đây?

- A. Thực phẩm giàu protein như thịt, cá, tôm, mực.
B. Thực phẩm khô.
C. Thực phẩm đã chế biến ở hộ gia đình nhưng chưa sử dụng ngay.
D. Thực phẩm đóng hộp đã mở ra nhưng chưa sử dụng hết.

Câu 3. Vì sao các chuyên gia dinh dưỡng khuyến cáo không nên sử dụng nhiều món ăn được chế biến bằng phương pháp nướng?

- A. Phương pháp nướng khó thực hiện.
B. Món ăn có nhiều chất béo.
C. Thực phẩm dễ bị cháy, gây biến chất tạo thành những chất gây ung thư.
D. Thời gian chế biến lâu.

Câu 4. Các nhà dinh dưỡng chia thực phẩm thành mấy nhóm và khuyên nên sử dụng thực phẩm thuộc ít nhất mấy nhóm mỗi ngày?

A. Chia thực phẩm thành 5 nhóm và khuyên nên sử dụng thực phẩm thuộc ít nhất 3 nhóm mỗi ngày.

B. Chia thực phẩm thành 6 nhóm và khuyên nên sử dụng thực phẩm thuộc ít nhất 4 nhóm mỗi ngày.

C. Chia thực phẩm thành 7 nhóm và khuyên nên sử dụng thực phẩm thuộc ít nhất 5 nhóm mỗi ngày.

D. Chia thực phẩm thành 8 nhóm và khuyên nên sử dụng thực phẩm thuộc ít nhất 5 nhóm mỗi ngày.

Câu 5. Việc lựa chọn thực phẩm an toàn, đảm bảo chất lượng có vai trò gì?

A. Cung cấp đầy đủ vitamin cho cơ thể.

B. Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng, không là nguồn gây bệnh, giúp cơ thể có sức khoẻ tốt hơn.

C. Cung cấp đầy đủ nhóm thực phẩm cho cơ thể.

D. Chi phí bữa ăn rẻ hơn.

Câu 6. Lựa chọn thực phẩm cho bữa ăn gia đình cần theo các tiêu chí nào sau đây?

A. Thực phẩm có màu sắc tự nhiên, đặc trưng cho từng loại sản phẩm, không có mùi lạ, không thối hỏng, dập nát, chảy nước.

B. Thực phẩm có màu sắc đẹp, bắt mắt.

C. Thực phẩm đắt tiền.

D. Thực phẩm rẻ tiền.

Câu 7. Chất dinh dưỡng nào trong thực phẩm dễ bị hao tổn nhiều trong quá trình chế biến?

A. Lipid.

B. Carbohydrate.

C. Vitamin.

D. Protein.

Câu 8. Biện pháp bảo quản thực phẩm nào sau đây sẽ giữ được chất lượng của thịt, cá trong thời gian dài nhất?

A. Bảo quản ở nhiệt độ thường.

B. Bảo quản ở nhiệt độ khoảng 8°C – 15°C.

C. Bảo quản ở nhiệt độ khoảng 2°C – 8°C.

D. Bảo quản đông lạnh ở nhiệt độ -20°C.

Câu 9. Trong quá trình chế biến thực phẩm, loại vitamin nào dưới đây dễ bị hoà tan vào nước nhất?

A. Vitamin A.

B. Vitamin C.

C. Vitamin K.

D. Vitamin E.

Câu 10. Em sẽ lựa chọn loại thịt lợn hay thịt bò như thế nào cho bữa ăn gia đình?

A. Thịt bày bán ngoài chợ, bề mặt thịt đã bị khô và thâm.

B. Thịt được bảo quản trong ngăn mát trong các cửa hàng, siêu thị có bao gói và hạn sử dụng.

C. Thịt đông lạnh gần hết hạn sử dụng.

D. Thịt bày bán ngoài chợ và thời gian từ lúc giết mổ là trên 24 giờ.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây là không đúng khi lựa chọn thực phẩm đóng gói sẵn?

A. Chọn thực phẩm trên bao bì có đầy đủ thông tin về thành phần dinh dưỡng.

B. Chọn thực phẩm còn hạn sử dụng.

C. Chọn thực phẩm không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

D. Chọn thực phẩm có bao bì còn nguyên vẹn, không bị rách hoặc biến dạng.

Câu 12. Khi mua các loại hạt như đậu (đỗ), lạc, vừng, em không nên chọn loại hạt như thế nào?

A. Hạt có màu sắc tự nhiên, không có mùi mốc.

B. Hạt không mọc mầm.

C. Hạt không bị sâu mọt.

D. Hạt ẩm mốc, màu xám đen hoặc biến màu.

Câu 13. Hình 1 thể hiện ngành nghề nào liên quan đến chế biến thực phẩm?

A. Thợ chế biến thực phẩm.

B. Thợ vận hành máy sản xuất thực phẩm.

C. Đầu bếp trưởng.

D. Người chuẩn bị đồ ăn nhanh.



Hình 1

Câu 14. Để thực hiện tốt công việc của một người chuẩn bị đồ ăn nhanh cần phải chú trọng phát triển những phẩm chất nào?

A. Có mắt thẩm mỹ, nhạy cảm với mùi vị.

B. Tập trung, cẩn thận trong công việc.

C. Yêu thích công việc nấu nướng, cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ trong công việc.

D. Khéo léo, sáng tạo trong công việc.

Câu 15. Hình 2 thể hiện ngành nghề nào liên quan đến chế biến thực phẩm?

A. Thợ chế biến thực phẩm.

B. Đầu bếp trưởng.

C. Thợ vận hành máy sản xuất thực phẩm.

D. Người chuẩn bị đồ ăn nhanh.



Hình 2

Câu 16. Để thực hiện tốt công việc của một thợ chế biến thực phẩm cần phải chú trọng phát triển những năng lực nào?

A. Kỹ năng chế biến các loại thực phẩm như thịt, cá, thủy sản, thực phẩm đông lạnh.

B. Kỹ năng vận hành máy móc.

C. Kỹ năng quản lý đầu bếp và nhân viên.

D. Kỹ năng giám sát máy sản xuất thực phẩm tại nhà máy.

PHẦN II. (3 điểm) Câu trắc nghiệm đúng/sai.

Câu 1. Quan sát và lựa chọn thực phẩm tươi sống là bước quan trọng khi chế biến món ăn. Các nhận định sau đây là đúng hay sai.

- a) Thực phẩm tươi sống có màu sắc tự nhiên, không có mùi lạ.
- b) Thịt tươi có bề mặt khô, không dính tay, đàn hồi tốt khi ấn ngón tay vào.
- c) Cá tươi thường có mắt lõm sâu, mang xám đen và thân mềm nhũn.
- d) Rau quả tươi thường có màu sắc héo úa, lá vàng và thân mềm nhũn.

Câu 2. Bảo quản thực phẩm đúng cách giúp giữ được giá trị dinh dưỡng và hạn chế hư hỏng. Các nhận định sau đây là đúng hay sai.

- a) Thực phẩm khô như gạo, đậu nên để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- b) Thực phẩm đã nấu chín có thể để ở nhiệt độ phòng suốt đêm mà vẫn an toàn.
- c) Rau, quả tươi nên được bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh để giữ độ tươi lâu hơn.
- d) Không nên để thực phẩm sống và chín lẫn lộn khi bảo quản trong tủ lạnh.

Câu 3. Ngành nghề chế biến thực phẩm có vai trò quan trọng trong đời sống và kinh tế. Các phát biểu sau đây là đúng hay sai.

- a) Ngành chế biến thực phẩm chỉ bao gồm các công việc nấu ăn trong gia đình.
- b) Kỹ thuật viên chế biến thực phẩm cần nắm vững quy trình sản xuất và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- c) Người làm việc trong lĩnh vực chế biến thực phẩm cần có sức khỏe tốt, cẩn thận và có ý thức kỷ luật cao.
- d) Sản phẩm của ngành chế biến thực phẩm có thể là đồ hộp, nước giải khát, bánh kẹo hoặc các món ăn chế biến sẵn.

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. Trình bày cách bảo quản chất dinh dưỡng trong thực phẩm thường áp dụng tại gia đình em.

Câu 2. Phân biệt công việc chính của thợ chế biến thực phẩm và thợ vận hành máy sản xuất thực phẩm.

Chúc các con ôn tập và kiểm tra đạt kết quả cao!



TIN HỌC 9

A. PHẠM VI ÔN TẬP

- Ôn tập các bài học sau: Bài 1 đến bài 4 – Sách giáo khoa Tin học 9 – KNTT
- Đề kiểm tra: 100% trắc nghiệm

B. CÂU HỎI, BÀI TẬP THAM KHẢO

CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CUỘC SỐNG

BÀI 1: THẾ GIỚI KỸ THUẬT SỐ

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (*Học sinh chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau*)

Câu 1: Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học.
- B. Máy chụp X-quang.
- C. Hệ thống thanh toán trong siêu thị.
- D. Hệ thống phun tưới vận hành tự động.

Câu 2: Robot lắp ráp là thiết bị có gắn bộ xử lý được sử dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Công nghiệp.
- B. Giao thông.
- C. Xây dựng.
- D. Giải trí.

Câu 3: Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng.
- B. Chẩn đoán bệnh.
- C. Điều khiển ô tô tự động lái.
- D. Dự báo thời tiết.

Câu 4: Phương án nào sau đây **không** phải là ứng dụng của máy tính trong giải trí?

- A. Nghe nhạc.
- B. Xem phim.
- C. Đọc truyện.
- D. Nấu ăn.

Câu 5: Máy tính **không** có khả năng nào sau đây?

- A. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.
- B. Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn.
- C. Cảm thụ văn học.
- D. Tính toán nhanh.

Câu 6: Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong giáo dục?

- A. Tủ lạnh.
- B. Máy bán hàng tự động.
- C. Robot hút bụi.
- D. Máy chiếu trong lớp học.

Câu 7: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tích cực khi sử dụng thư điện tử?

- A. Giảm bớt sự phụ thuộc vào không gian và thời gian.
- B. Dễ dàng tiếp cận thông tin.
- C. Chứa nhiều nội dung thông tin trong một lần gửi.
- D. Thông tin được bảo mật.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Máy tính được ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực của khoa học kỹ thuật và đời sống.
- B. Nhiều dữ liệu hiện có trên Internet là miễn phí.
- C. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực đến con người và xã hội nhiều hơn so với tác động tích cực.
- D. Cần sử dụng công nghệ thông tin đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến cuộc sống.

Câu 9: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của công nghệ thông tin lên giáo dục?

- A. Rút ngắn khoảng cách, kết nối con người nhanh chóng.
- B. Cổ vũ thái độ sống tích cực.
- C. Mở rộng phạm vi tiếp cận giáo dục.
- D. Dễ dàng chia sẻ kiến thức, kỹ năng.

Câu 10: Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực như thế nào đến sức khoẻ thể chất của con người?

- A. Khiến con người trở nên thụ động.
- B. Gây giảm thị lực.
- C. Giảm tương tác giữa người với người.
- D. Thông tin giả tràn lan.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Công nghệ thông tin được con người sử dụng để khám phá tri thức mới, kết nối cá nhân với thế giới, hỗ trợ họ trong học tập và lao động.
- B. Công nghệ thông tin giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin.
- C. Ngày nay, mọi người có thể bổ sung sự hiểu biết của mình về bất kỳ lĩnh vực nào, ở mọi nơi và vào mọi lúc bằng cách sử dụng Internet.
- D. Công nghệ thông tin không có tác động tiêu cực đến sức khoẻ thể chất của con người.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Bộ xử lý không chỉ xuất hiện trong máy tính hay điện thoại thông minh mà còn được gắn vào các thiết bị khác để hỗ trợ xử lý bất kỳ loại thông tin nào có thể số hoá được.
- B. Thiết bị được gắn bộ xử lý hiện diện xung quanh ta.
- C. Hệ thống thu phí tự động trên đường cao tốc là một ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong sản xuất công nghiệp.
- D. Hệ thống điều khiển đèn tín hiệu giao thông là một ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong lĩnh vực giao thông.

Câu 13: Công nghệ thông tin tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Tạo ra thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.
- B. Rác thải từ những sản phẩm công nghệ lỗi thời.
- C. Tăng nguy cơ thất nghiệp.
- D. Bạo lực mạng.

Câu 14: Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khoẻ thể chất của con người là

- A. cẩn trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- B. rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.
- C. cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.
- D. dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khoá, ...

Câu 15: Thiết bị bay không người lái để gieo hạt giống, phun thuốc trừ sâu,... là thiết bị có gắn bộ xử lý được sử dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Giao thông.
- B. Sinh học.
- C. Nông nghiệp.
- D. Công nghiệp.

Câu 16: Trong y tế, máy tính giúp chẩn đoán hình ảnh như thế nào?

- A. Dựa trên hình ảnh siêu âm, bác sĩ có thể đo được tương đối chính xác kích thước các tạng đặc trong ổ bụng (gan, lách, thận, tụy,...) và phát hiện các khối bất thường nếu có.
- B. Dựa trên hình ảnh chụp cộng hưởng từ hạt nhân, bác sĩ xác định được một số bệnh lí ở sọ não.
- C. Dựa trên hình ảnh chụp cắt lớp, bác sĩ xác định chính xác hơn các hình thái và các khối bất thường trong cơ thể.
- D. Dựa trên hình ảnh X-quang, bác sĩ có thể xác định cấu trúc, kích thước các buồng tim, van tim và các mạch máu lớn.

Câu 17: Kính viễn vọng không gian Hubble là ứng dụng của máy tính trong nghiên cứu

- A. vật lí.
- B. vũ trụ.
- C. giao thông.
- D. hoá học.

Câu 18: “*Não của chúng ta hoạt động ít dần vì sự xuất hiện của công nghệ cao*”, nhà thần kinh học Michael Merzenich cho biết trong cuốn sách “The Shallows: What The Internet Is Doing To Our Brains”, cảnh báo tác động của công nghệ đối với trí thông minh của con người, nguy hiểm tới mức không tưởng. Vậy theo em, công nghệ thông tin tác động lên não của chúng ta như thế nào?

- A. Đạo đức suy giảm.
- B. Tỷ lệ thất nghiệp tăng.
- C. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
- D. Giảm độ tập trung.

CHỦ ĐỀ 2. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

BÀI 2: THÔNG TIN TRONG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Câu 1: Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 2: Tiêu chí nào sau đây **không** được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được.
- B. Tính hấp dẫn.
- C. Tính cập nhật.
- D. Tính đầy đủ.

Câu 3: Nguồn thông tin đáng tin cậy để tìm hiểu thông tin về kì thi tuyển sinh lớp 10 là

- A. mạng xã hội.
- B. trang web của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- C. trang web của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- D. thông tin từ bạn bè.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Internet là một kho thông tin khổng lồ.
- B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
- C. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở thành hữu ích.
- D. Em có thể tìm thấy nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 5: Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.
- B. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.
- C. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có được cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt ra.
- D. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Thông tin là cơ sở để ra quyết định.
- B. Chất lượng thông tin trên Internet thể hiện ở số lượng người đọc.
- C. Không phải thông tin nào trên Internet cũng hữu ích đối với việc giải quyết vấn đề.
- D. Nếu thông tin không liên quan tới vấn đề được đặt ra thì em sẽ không sử dụng được và thông tin trở nên vô ích.

Câu 7: Thông tin nào sau đây phù hợp với mục tiêu du học nước ngoài?

- A. Thông tin xét tuyển các trường THPT trong nước.
- B. Dự báo thời tiết.
- C. Điều kiện xin học bổng du học.
- D. Luật an ninh mạng.

Câu 8: Em cần tìm kiếm thông tin về bài thi IELTS ở đâu?

- A. Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- B. Website của các đơn vị tổ chức thi (Hội đồng Anh, IDP).
- C. Website của nhà trường.
- D. Website của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Câu 3: Khi tìm kiếm thông tin về Cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU năm học 2024 – 2025, bạn Minh đã không để ý đến thời hạn nộp bài dự thi nên đã bỏ lỡ cơ hội tham gia. Theo em, sơ suất này vi phạm tiêu chí nào về chất lượng thông tin?

- A. Tính đầy đủ.
- B. Tính chính xác.
- C. Tính mới.
- D. Tính sử dụng được.

Câu 9: Nguồn thông tin nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

- A. Ý kiến của người thân.
- B. Các loại sách tham khảo phổ biến trên thị trường.
- C. Những chia sẻ cá nhân trên Internet.
- D. Sách giáo khoa do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.

Câu 10: Khi em thấy một quảng cáo trên YouTube, em sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.
- B. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.
- C. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.
- D. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.

Câu 11: Em hãy tìm hiểu trên Internet và cho biết tờ báo điện tử nào sau đây trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam?

- A. Báo Đời sống & Pháp luật.
- B. Vietnamnet.
- C. VTC News.
- D. VnExpress.

CHỦ ĐỀ 3. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

BÀI 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET

Câu 1: Phương án nào sau đây là ứng dụng hỗ trợ và phổ biến tệ nạn trên mạng?

- A. Internet Banking.
- B. Mua sắm trực tuyến.
- C. Học online.
- D. Tổ chức đánh bạc trực tuyến.

Câu 2: Hành vi nào sau đây là thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.

- B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
- C. Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
- D. Sử dụng dữ liệu của người khác mà không xin phép.

Câu 3: Văn bản nào quy định chi tiết việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin?

- A. Luật An ninh mạng.
- B. Luật An toàn thông tin.
- C. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.
- D. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

Câu 4: Tự ý đăng địa chỉ nhà của người khác là

- A. hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ, sở hữu tài sản, đánh bạc,...
- B. hành vi vi phạm quyền nhân thân, uy tín của cá nhân và tổ chức.
- C. hành vi vi phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- D. hành vi vi phạm đến việc bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng.

Câu 5: Buôn bán động vật quý hiếm là

- A. hành vi xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm hoặc phân biệt đối xử về tôn giáo, về giới, về chủng tộc, về vùng miền,...
- B. hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ, sở hữu tài sản, đánh bạc,...
- C. hành vi vi phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- D. hành vi tuyên truyền, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ không phù hợp quy định của pháp luật, trái với thuần phong mỹ tục, lối sống văn minh.

Câu 6: Hành vi nào sau đây **không** phải là hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Quảng cáo, buôn bán hàng hoá cấm.
- B. Gửi tin nhắn rác với mục đích quảng cáo.
- C. Sử dụng phần mềm có bản quyền.
- D. Quấy rối, kêu gọi tẩy chay.

Câu 7: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến quyền riêng tư như thế nào?

- A. Gây mất ngủ.
- B. Ít giao tiếp.
- C. Thông tin cá nhân có thể bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp.
- D. Gây nghiện Internet.

Câu 8: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Nguy cơ thất nghiệp tăng.
- B. Tồn hại thị lực.
- C. Giúp tiết kiệm thời gian di chuyển.
- D. Tạo ra rác thải điện tử.

Câu 9: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến xã hội như thế nào?

- A. Thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức.
- B. Hạn chế những ý tưởng sáng tạo do thói quen tìm kiếm trên Google.
- C. Khiến cho một bộ phận người dân yếu thế như người già, người khuyết tật ngày càng tụt hậu.
- D. Tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến tim mạch, tiểu đường, ung thư và béo phì do ít vận động.

Câu 10: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tiêu cực của công nghệ số đến đời sống con người?

- A. Thông tin cá nhân bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp.
- B. Cung cấp các công cụ giáo dục tiên tiến.
- C. Thiết bị số nhanh chóng trở nên lỗi thời.
- D. Người dân ở các vùng khó khăn ngày càng tụt hậu.

Câu 11: Công nghệ kỹ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất của con người như thế nào?

- A. Gây ra bệnh khô mắt và giảm thị lực.
- B. Những mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng.
- C. Dễ có những cảm xúc tiêu cực.
- D. Cổ xuý lối sống thiếu đạo đức.

Câu 12: Công nghệ kỹ thuật số giúp tạo ra một nền giáo dục hiện đại và tiên tiến như thế nào?

- A. Cải thiện quy trình tuyển dụng, thu thập và phân tích dữ liệu kinh doanh chính xác hơn.
- B. Các nguồn tài nguyên trực tuyến không giới hạn phục vụ cho việc nghiên cứu.
- C. Tạo điều kiện cho việc mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến.
- D. Tạo ra lợi nhuận cho các doanh nghiệp.

Câu 13: Ví dụ về việc con người quá lệ thuộc vào công nghệ kỹ thuật số để giải quyết những vấn đề nhỏ trong cuộc sống là

- A. Việc lộ thông tin tài khoản ngân hàng có thể bị mất tiền trong tài khoản.
- B. Lừa đảo qua mạng.
- C. Học sinh lười suy nghĩ, nhờ trí tuệ nhân tạo làm bài tập về nhà.
- D. Gia tăng ô nhiễm môi trường.

Câu 14: Công nghệ kỹ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần của con người như thế nào?

- A. Gây ra các vấn đề về cột sống.
- B. Suy giảm sự sáng tạo.
- C. Thách thức về an ninh dữ liệu.
- D. Nguy cơ trầm cảm và lo lắng.

Câu 15: Việc lộ thông tin cá nhân trên Internet dẫn đến hậu quả gì?

- A. Giảm kết nối, tương tác trực tiếp giữa người với người.
- B. Tài khoản bị mạo danh.
- C. Thay đổi thói quen sinh hoạt.
- D. Hình thành thói quen thích được chú ý.

Câu 16: Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đối với con người?

- A. Hạn chế hoặc tái sử dụng túi ni lông và vật dụng làm từ nhựa.
- B. Ăn uống lành mạnh.
- C. Dành nhiều thời gian để sinh hoạt chung với gia đình, chơi thể thao,...
- D. Nằm khi dùng điện thoại.

Câu 17: Môi trường kinh doanh toàn cầu được tạo ra bởi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghiệp 4.0. Dưới sự phát triển bùng nổ của thời đại Internet, công nghiệp 4.0 trong thời đại này đã tạo ra những phát minh thay đổi hoàn toàn cách các doanh nghiệp

vận hành. Em hãy tìm hiểu thông tin trên Internet và cho biết công nghệ nào cho phép người dùng có thể sử dụng các dịch vụ lưu trữ thông tin nhờ vào các nhà cung cấp như Facebook, Office 365, YouTube,...?

- A. Trí tuệ nhân tạo (AI).
- B. Điện toán đám mây (Cloud Computing).
- C. Khai phá dữ liệu (Data Mining).
- D. Internet vạn vật (Internet of Things).

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (Học sinh trả lời câu hỏi, trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai)

Câu 1. Đặc điểm nào là ưu điểm, thể hiện khả năng của máy tính?	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Tính toán nhanh, lưu trữ lâu dài, kết nối an toàn.	
b) Tính toán nhanh, lưu trữ lớn, kết nối toàn cầu.	
c) Tưởng tượng phong phú, lưu trữ lớn, kết nối toàn cầu.	
d) Tưởng tượng phong phú, lưu trữ lớn, kết nối an toàn.	

Câu 2. Phương án nào sau đây mô tả đúng một ứng dụng của máy tính trong đời sống xã hội?	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Viết mã lệnh cho robot thực hiện các tác vụ sản xuất trong nhà máy.	
b) Dự đoán thời tiết dựa trên dữ liệu lịch sử và mô hình khí hậu.	
c) Sử dụng phần mềm mô phỏng để thiết kế mô hình 3D của một công trình kiến trúc.	
d) Phân tích kết quả thí nghiệm hóa học để xác định thành phần chất liệu.	

Câu 3. Phương án nào sau đây mô tả đúng một ứng dụng của máy tính trong khoa học kỹ thuật?	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Mô phỏng quá trình sản xuất linh kiện điện tử nhằm cải thiện hiệu suất sản xuất.	
b) Phân tích và báo cáo tài chính của một công ty để đánh giá hiệu quả kinh doanh.	
c) Sử dụng máy tính có cài đặt phần mềm đồ họa để thiết kế logo cho thương hiệu.	
d) Tính toán hiệu suất năng lượng của hệ thống năng lượng tái tạo trong một dự án xây dựng.	

Câu 4. Ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đối với sức khỏe thể chất người dùng?	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Mặc phải chứng lo âu, trầm cảm.	
b) Gây đau mỏi xương khớp, vai, gáy.	
c) Suy giảm thị lực.	

d) Dễ mắc bệnh béo phì, tim mạch.	
-----------------------------------	--

Câu 5. Hành vi nào giúp bảo vệ trẻ vị thành niên sử dụng mạng xã hội an toàn?	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Giáo dục cung cấp kiến thức, kỹ năng về an toàn trực tuyến.	
b) Khuyến khích sử dụng cài đặt tài khoản công khai.	
c) Định kỳ kiểm tra và theo dõi hoạt động của trẻ.	
d) Đặt ra quy tắc giới hạn thời gian sử dụng.	

Câu 6. Phương án nói về tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số tới đời sống con người và xã hội.	Đúng ghi Đ/ Sai ghi S
a) Quyền riêng tư dễ bị ảnh hưởng	
b) Dữ liệu tài khoản ngân hàng bị đánh cắp.	
c) Giao dịch trong thương mại tăng nhanh nhờ ứng dụng ngân hàng số.	
d) Ô nhiễm do rác thải từ những thiết bị công nghệ số lỗi thời.	

III. TRẮC NGHIỆM GHÉP NỐI (*Học sinh nối phần nội dung cột A với cột B*)

Câu 1. Hãy ghép mỗi câu hỏi với tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin tương ứng mà câu hỏi đó được sử dụng để kiểm tra.

Câu hỏi (A)	Tiêu chí (B)
1) Liệu thông tin có lỗi thời với vấn đề cần giải quyết hay không	a) Tính mới
2) Thông tin có phù hợp với yêu cầu không? Nó có quá sơ sài hay quá phức tạp không?	b) Tính chính xác
3) Thông tin có thống nhất với những gì chúng ta đã biết không? Có xảy ra mâu thuẫn nào không?	c) Tính đầy đủ
4) Các câu hỏi sau khi được trả lời hết chưa? “Đó là vấn đề gì? Xảy ra ở đâu? Khi nào? Liên quan đến ai? Vấn đề đó đã xảy ra như thế nào? Tại sao xảy ra điều đó?”	d) Tính sử dụng được

Câu 2 Hãy ghép mỗi mục ở cột A với một mục ở cột B để được câu chỉ tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số.

A	B
1) Truy cập mạng xã hội nhiều	a) làm tăng nguy cơ thất nghiệp.
2) Thông tin cá nhân	b) có thể bị đánh cắp.
3) Dữ liệu số trong máy tính	c) có thể bị lợi dụng để lừa đảo.
4) Tự động hóa phát triển	d) có thể gây nghiện, mất ngủ.

C. ĐỀ THI THAM KHẢO



TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ 2

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: Tin học - Khối 9

Ngày: 30/10/2025

Thời gian làm bài: 45 phút

(Không kể thời gian phát đề)

(Đề có 03 trang - Mã đề: 901)

Họ và tên: Lớp:

PHẦN I (3 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong thương mại?

- A. Hệ thống thanh toán trong siêu thị.
- B. Hệ thống phun tưới vận hành tự động.
- C. Máy chiếu trong lớp học.
- D. Máy chụp X- quang.

Câu 2. Trong đô thị, thiết bị nào sau đây được gắn bộ xử lý thông tin để điều khiển việc lưu thông, giúp cho các phương tiện trên đường phố di chuyển một cách có trật tự?

- A. Xe ô tô tự lái.
- B. Đèn giao thông.
- C. Camera an ninh.
- D. Biển báo giao thông.

Câu 3. Thiết bị nào sau đây không gắn bộ xử lý thông tin?

- A. Đồng hồ điện tử.
- B. Thiết bị nhận dạng khuôn mặt.
- C. Bảng từ trắng.
- D. Máy rút tiền tự động.

Câu 4. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin trong y tế?

- A. Tivi.
- B. Máy bán hàng tự động.
- C. Máy chụp cắt lớp vi tính.
- D. Máy giặt.

Câu 5. Bằng cách nào công nghệ thông tin có những tác động mạnh mẽ đối với giáo dục?

- A. Giúp cho việc chuyển giao và tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng.
- B. Động viên, khuyến khích mọi người tham gia vào xã hội học tập.
- C. Hỗ trợ tính toán nhanh chóng và chính xác, không cần tính nhẩm.
- D. Giúp cho việc đánh giá kết quả học tập trở nên công bằng hơn.

Câu 6. Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khỏe thể chất của con người là?

- A. cẩn trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- B. dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khóa, ...
- C. rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.
- D. cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.

Câu 7. Tiêu chí nào sau đây không được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được.
- B. Tính cập nhật.
- C. Tính đầy đủ.
- D. Tính hấp dẫn.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây SAI?

- A. Thông tin là cơ sở để ra quyết định.
- B. Chất lượng thông tin trên Internet thể hiện ở số lượng người đọc.
- C. Không phải thông tin nào trên Internet cũng hữu ích đối với việc giải quyết vấn đề.

D. Nếu thông tin không liên quan tới vấn đề được đặt ra thì em sẽ không sử dụng được và thông tin trở nên vô ích.

Câu 9. Sau khi đọc số điện thoại cho người khác ghi lại, người ta thường đề nghị người ghi đọc lại để kiểm tra đã ghi đúng hay chưa. Theo em, việc này nhằm giúp tăng cường chất lượng thông tin theo tiêu chí nào?

- A. Tính đầy đủ.
- B. Tính mới.
- C. Tính chính xác.
- D. Tính sử dụng được.

Câu 10. Thông tin chính xác có thể mô tả như thế nào?

- A. Thông tin có nội dung gốc xác định và nguồn tin đó đủ thẩm quyền đối với tin được nêu.
- B. Thông tin đúng đắn, có thể khi kiểm chứng được, đủ cụ thể so với vấn đề cần giải quyết.
- C. Thông tin được cập nhật, được thu thập đúng lúc, kịp thời để giải quyết vấn đề đặt ra.
- D. Thông tin về mọi khía cạnh của sự kiện, cho phép nhìn nhận sự kiện một cách toàn diện.

Câu 11. Công nghệ kĩ thuật số giúp tạo ra nền giáo dục hiện đại và tiên tiến như thế nào?

- A. Các nguồn tài nguyên trực tuyến không giới hạn phục vụ cho việc nghiên cứu.
- B. Cải thiện quy trình tuyển dụng, thu thập và phân tích dữ liệu kinh doanh chính xác hơn.
- C. Tạo điều kiện cho việc mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến.
- D. Tạo ra lợi nhuận cho các doanh nghiệp.

Câu 12. Sự sôi động của tin tức trực tuyến có thể ảnh hưởng đến sự hiểu biết và thông tin của người đọc như thế nào?

- A. Tăng cường sự chắc chắn và tin tưởng
- B. Tăng cường sự tập trung và sự chú ý
- C. Gây ra sự mơ hồ và khó xác định thông tin chính xác
- D. Giảm nguy cơ tin đồn và thông tin sai lệch.

PHẦN II (4 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Có một bạn trong lớp chia sẻ trang báo mạng có bài nói về một số học sinh đi học bằng xe máy đến trường, khi gặp cảnh sát giao thông thì học sinh lái xe lạng lách với tốc độ cao để trốn chạy. Em hãy đánh giá tính đúng sai với những ý kiến dưới đây:

- a) Các bạn học sinh này hành động như vậy là chính đáng.
- b) Các bạn học sinh này đã vi phạm luật giao thông nghiêm trọng.
- c) Bài báo này được viết và đăng trên báo “An ninh thủ đô tại trang web <https://www.anninhthudo.vn>” thì đảm bảo độ chính xác và có độ tin tưởng cao.
- d) Bạn này chia sẻ bài với nội dung “Việc làm đáng ngưỡng mộ” là việc làm tốt.

Câu 2. Em hãy đánh giá tính đúng sai cho những nhận định dưới đây

- a) Sử dụng Internet là điều hoàn toàn đúng vì nó đem lại tất cả những điều tốt đẹp nhất đến cho con người.
- b) Con người trong thời đại kỹ thuật số sẽ xuất hiện nhiều căn bệnh được cho là kỳ quái không mang tính truyền thống tác động đến: Cơ xương khớp, trầm cảm, lười nhác.
- c) Bạn A nhờ bạn B cầm CCCD đi photo, bạn B chụp hình CCCD của A và đưa lên mạng xã hội Facebook và nhận được nhiều lời bình phẩm trái chiều, thậm trí có những

câu nặng nề về ảnh người trong CCCD. Bạn B rất vui và cho rằng hành động của mình là rất tốt. Việc làm này người bảo sai, người bảo đúng, vậy còn bạn?

d) Năm 2006, Quốc hội ban hành Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11. Năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet. Năm 2018, Quốc hội ban hành Luật An ninh mạng. Tất cả các Luật và Nghị định này áp dụng tất cả mọi người sử dụng không gian mạng tại Việt Nam.

Câu 3. Em hãy đánh giá tính đúng sai với những ý kiến nói về tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số tới đời sống con người và xã hội.

- a) Quyền riêng tư dễ bị ảnh hưởng
- b) Dữ liệu tài khoản ngân hàng bị đánh cắp.
- c) Giao dịch trong thương mại tăng nhanh nhờ ứng dụng ngân hàng số.
- d) Ô nhiễm do rác thải từ những thiết bị công nghệ số lỗi thời.

Câu 4. Đánh giá tính đúng sai. Theo em hành vi nào dưới đây giúp bảo vệ trẻ vị thành niên sử dụng mạng xã hội an toàn?

- a) Giáo dục cung cấp kiến thức, kỹ năng về an toàn trực tuyến.
- b) Khuyến khích sử dụng cài đặt tài khoản công khai.
- c) Định kỳ kiểm tra và theo dõi hoạt động của trẻ.
- d) Đặt ra quy tắc giới hạn thời gian sử dụng.

PHẦN III (3 điểm). Tự luận

Bài 1 (2 điểm). Trong khi tìm thông tin về các trường THPT, bạn An đã không để ý đến thời gian đăng kí nguyện vọng dự thi và xét tuyển vào lớp 10 các trường THPT công lập. Theo em:

- a) Sơ suất này vi phạm tiêu chí về chất lượng thông tin?
- b) Điều đó có thể dẫn đến khó khăn gì cho bạn An?

Bài 2 (1 điểm). Em hãy cho biết tác hại của việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều. Nếu là người thân của em chơi nhiều thì em sẽ khuyên như thế nào?

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm./.



UBND PHƯỜNG GIẢNG VÕ
TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ 2

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2026 - 2027

Môn: Hoạt động trải nghiệm

Hướng nghiệp

- Học sinh hoàn thành bài tập dự án theo hướng dẫn của giáo viên phụ trách, nộp đúng thời hạn và tham gia đầy đủ các buổi hoạt động.
- Kết quả dự án sẽ được chấm điểm và tính làm điểm giữa kì, dựa trên mức độ hoàn thành sản phẩm, tinh thần hợp tác và phần trình bày của từng nhóm hoặc cá nhân.



I. PHẠM VI

Chủ đề 1. Lịch sử Hà Nội từ năm 1918 đến nay

Bài 1. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Hà Nội từ năm 1918 đến năm 1945

- Nhận biết bối cảnh Hà Nội dưới ách thống trị của thực dân Pháp.
- Nêu được một số dấu mốc tiêu biểu của phong trào cách mạng tại Hà Nội, trong đó có sự kiện 5D Hàm Long năm 1929.
- Nêu được mốc 19/8/1945 và 2/9/1945 gắn với Hà Nội.

Bài 2. Hà Nội củng cố chính quyền, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945–1975)

- Nhận biết ngày Toàn quốc kháng chiến 19/12/1946 và tinh thần chiến đấu của quân dân Hà Nội.
- Nêu được ngày Giải phóng Thủ đô 10/10/1954.
- Nhận biết chiến thắng “Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không” tháng 12/1972.
- Nêu được việc làm của học sinh để giữ gìn, phát huy truyền thống lịch sử Hà Nội.

II. THỜI GIAN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

1. Thời gian: 45 phút

2. Cấu trúc: Đề kiểm tra gồm 100% trắc nghiệm.



MÔN ÂM NHẠC

Nội dung kiểm tra:

1. Bài hát: “*Nói vòng tay lớn*”
2. Bài hát: “*Bảy sắc cầu vồng*”

Hình thức kiểm tra: Trình bày theo Nhóm – Cá nhân.

MÔN MĨ THUẬT

Nội dung kiểm tra

Câu 1: Em hãy thiết kế 1 sản phẩm giá đỡ điện thoại/máy tính bảng từ vật liệu sẵn có (Bài 4: Thiết kế giá đỡ thiết bị công nghệ).

Câu 2: Viết và chia sẻ một số thông tin về sản phẩm mà em tạo được (*vật liệu sử dụng, cách tạo sản phẩm, công năng và tính thẩm mỹ của sản phẩm,...*).

Hình thức kiểm tra: Thực hành

- Hình thức tạo hình: 3D (lắp ghép, cắt dán, tạo khối).
- Chất liệu, vật liệu: Bìa cứng, giấy, vật liệu tái chế (ống hút, que gỗ, nhựa...), hồ/keo dán...
- Kích thước: Tuỳ theo sản phẩm thực tế (đảm bảo công năng sử dụng).



Khối 9: Ôn tập Chạy cự ly ngắn

Nội dung kiểm tra: Chạy cự ly ngắn tám giờ

Hình thức kiểm tra: Thực hành